

Số: /QĐ-TTGDNN-GDTXXT

Xuân Hưng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự
toán Thu, chi ngân sách nhà nước quý I năm 2026

GIÁM ĐỐC TTGDNN-GDTX XUÂN TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 09/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1838/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Trung tâm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý I năm 2026 của Trung tâm GDNN-GDTX Xuân Trường (Theo các biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận liên quan, phụ trách khối, tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3

- Công TTĐT của Trung tâm;

- Lưu VT, KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đặng Văn Chính

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

**Đơn vị: Trung tâm
GDNN-GDTX Xuân
Trường**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 422

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Hưng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTGDNN-GDTX ngày 24/4/2026 của Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX Xuân Trường)

ĐV tính: Nghìn đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện quý I năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý I so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|---|------------------|------------------------------|-------------------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| B | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 6.532.000 | 2.135.120 | 32,69% | |
| I | Nguồn ngân sách trong nước | 6.532.000 | 2.135.120 | 32,69% | |
| 1 | Chi quản lý hành chính | | | | |
| 2 | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ | | | | |
| 3 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | | | | |
| 3.1 | Ngân sách nhà nước cấp | 6.532.000 | 2.135.120 | 32,69% | |
| 3.1.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ-NSNN cấp | 5.512.000 | 1.234.120 | 22,39% | |
| 3.1.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ-NSNN cấp | 1.010.000 | 895.000 | 88,61% | |
| 3.1.3 | Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ chuyển đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - NSNN cấp | 10.000 | 6.000 | 60,00% | |
| II | Nguồn vốn viện trợ | 0 | 0 | 0 | |
| III | Nguồn vốn nợ nước ngoài | 0 | 0 | 0 | |

Xuân Hưng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

CÔNG KHAI

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NSNN QUÝ I/2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTGDNN-GDTX ngày 24/4/2026 của Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX Xuân Trường)

ĐV tính: Nghìn đồng

| Số TT | Nội dung | Số được giao đầu kỳ | Tăng giảm trong kỳ | Số được sử dụng | Số đã sử dụng | | Số chuyển kỳ sau |
|-------|--|---------------------|--------------------|-----------------|---------------|----------------------|------------------|
| | | | | | Trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | |
| I | Dự toán NSNN cấp | 6.532.000 | 0 | 6.532.000 | 2.144.120 | 2.144.120 | 4.387.880 |
| 1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 5.512.000 | 0 | 5.512.000 | 1.243.120 | 1.243.120 | 4.268.880 |
| 1.1 | Các khoản thanh toán cá nhân (gồm lương, PC và các khoản đóng góp) | | | | 1.233.843 | 1.233.843 | |
| 1.2 | Chi về hàng hoá dịch vụ | | | | 9.278 | 9.278 | |
| 1.3 | các khoản chi khác | | | | | | |
| 1.4 | Chi đầu tư phát triển | | | | | | |
| 2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 1.010.000 | | 1.010.000 | 895.000 | 895.000 | 115.000 |
| 2.1 | Các khoản thanh toán cá nhân (gồm lương, PC và các khoản đóng góp) | | | | | | |
| 2.2 | Chi về hàng hoá dịch vụ | | | | | | |
| 2.3 | Các khoản chi khác | | | | 895.000 | 895.000 | |
| 2.4 | Chi đầu tư phát triển | | | | | | |
| 3 | Sự nghiệp KHCN đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số-NSNN cấp | 10.000 | | 10.000 | 6.000 | 6.000 | 4.000 |
| 3.1 | Kinh phí gia hạn phần mềm | | | | 6.000 | 6.000 | |

